

BÀN VỀ GIÁM SÁT XÃ HỘI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM

*Nguyễn Huy Phương**

Trong các quốc gia dân chủ, cơ chế kiểm tra giám sát luôn giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước. Xây dựng một cơ chế kiểm soát hợp lý, đầy đủ và có hiệu lực luôn là một trong những bảo đảm cho guồng máy quyền lực hoạt động bình thường, đồng thời tránh được tình trạng bộ máy quyền lực vận hành ngoài tầm kiểm soát của người chủ quyền lực.

Trong các nhánh quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp thì nhánh quyền tư pháp thể hiện sự độc lập theo các quy định của Hiến pháp. Các cơ quan tư pháp (trong đó tòa án giữ vị trí trung tâm) là một bộ máy "quyền lực" chứ không sản sinh ra "công lực" mới, có nhiệm vụ áp dụng pháp luật, đưa việc thực hiện quyền lực tư pháp vào đời sống. Thông qua quyền lực tư pháp mà pháp luật tác động đến các quan hệ xã hội. Hoạt động tư pháp tuy không phải là phương tiện duy nhất nhưng lại là phương tiện chủ yếu nhất trong việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, giải quyết các xung đột và tranh chấp giữa các chủ thể quan hệ pháp luật. So với quyền lập pháp, quyền tư pháp không thực hiện theo phương thức nghị trường, ban hành pháp luật; so với quyền hành pháp, quyền tư pháp không thực hiện theo mệnh lệnh hành chính mà phải qua các khâu trong quy trình tố tụng tư pháp với các thủ tục chặt chẽ và phức tạp. Kết quả của hoạt động tư pháp gắn liền và trực tiếp với tính mạng, sức khoẻ, tài sản, danh dự và nhân phẩm của con người nên hoạt động tư pháp cần được tiến hành theo các nguyên tắc dân chủ, công khai, công bằng, bình đẳng... Sức mạnh của quyền lực tư pháp thể hiện ở công lý được bảo vệ và sự tôn trọng pháp luật của mọi công dân trong xã hội. Chính vì vậy, hoạt

động tư pháp đòi hỏi một cơ chế giám sát rất chặt chẽ từ nhiều phía.

Sự cần thiết khách quan của kiểm tra, giám sát quyền lực tư pháp cũng kéo theo nhu cầu xây dựng các cơ chế tương ứng để thực thi nó trong thực tiễn. Theo GS.TS. Võ Khánh Vinh, giám sát theo nghĩa rộng là khái niệm để biểu thị "tổng thể các cơ chế xã hội tác động đến hành vi của con người với mục đích khắc phục các sai lệch khỏi các quy phạm mà xã hội tiếp nhận"¹. Xã hội loài người có nhiều dạng giám sát khác nhau, nó vừa có đặc điểm chung vừa có đặc điểm riêng cả về chủ thể, đối tượng và mối quan hệ trong giám sát. Còn theo GS.TSKH. Đào Trí Úc, để một cơ chế được coi là giám sát thì cơ chế đó phải đáp ứng các yêu cầu như: "Có khả năng giám sát được toàn bộ hệ thống quyền lực", "phải đứng ngoài mà nhìn nhận", "phải có tính độc lập về mặt pháp lý và phải đảm bảo được yêu cầu khách quan"...². Vị trí, vai trò của giám sát và các cơ chế kiểm tra, giám sát quyền lực tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định xuất phát từ hai yêu cầu chủ yếu: 1) Bảo đảm tính thống nhất của quyền lực nhà nước, sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp; 2) Bảo đảm cho các cơ quan tư pháp thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, không vượt ra khỏi phạm vi, thẩm quyền được hiến pháp quy định.

¹ GS. TSKH. Đào Trí Úc - GS.TS. Võ Khánh Vinh (đồng chủ biên), Giám sát xã hội và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta hiện nay, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2003.

² GS.TS. Võ Khánh Vinh, "Về giám sát thực hiện quyền lực nhà nước", Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 6-2003.

* ThS. Luật học, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc.

Như vậy, không riêng gì hoạt động tư pháp, về nguyên tắc, ở đâu có quyền lực thì ở đó cần đến sự giám sát quyền lực với mục tiêu bảo đảm phát huy dân chủ, sao cho nhân dân (người chủ của quyền lực) có thể kiểm soát được toàn bộ quá trình thực hiện quyền lực. Điều đó đặt ra yêu cầu về tính đa dạng, hợp lý và khoa học của các cơ chế kiểm tra, giám sát quyền lực về tư pháp. Việc kiểm soát quyền lực tư pháp có thể được tiến hành từ nhiều hướng khác nhau, do nhiều chủ thể tiến hành với những phạm vi và mức độ khác nhau. Căn cứ vào tính chất và phạm vi tác động của các cơ chế đó, có thể phân chúng thành hai nhóm: *Cơ chế tự kiểm tra* của hệ thống và cơ chế giám sát từ bên ngoài hệ thống tư pháp. *Cơ chế tự kiểm tra* nhằm mục đích bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và hiệu quả cao trong hoạt động của hệ thống tư pháp. Đó là cách thức kiểm tra, đánh giá nội tại trong hệ thống. Còn sự kiểm tra nhằm bảo đảm cho cả hệ thống, tức là *kiểm tra từ bên ngoài* được coi là cơ chế giám sát, tức là theo dõi, kiểm tra bộ phận khác hay là toàn bộ hệ thống. Đó là cơ sở để phân biệt một cách tương đối giữa *kiểm tra và giám sát*. Cụ thể trong hoạt động tư pháp có thể chia các cơ chế kiểm tra, giám sát thành hai nhóm: 1. *Cơ chế kiểm tra, giám sát của các cơ quan tư pháp* (cơ chế tự kiểm tra, giám sát bên trong của hệ thống tư pháp) và 2. *Cơ chế kiểm tra, giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và công dân đối với quyền lực tư pháp* (giám sát của xã hội).

Giám sát xã hội được hiểu là một loại giám sát trong cơ chế tổng thể về giám sát đối với hoạt động của Nhà nước nói chung, trong đó có hoạt động tư pháp. Loại giám sát này đặc trưng bởi chủ thể giám sát là các tổ chức và các cá nhân bên ngoài Nhà nước, chứ không phải chính do Nhà nước thông qua các cơ quan của mình để thực hiện. Các chủ thể giám sát ở đây với đặc tính xã hội có thể là những thành tố độc lập nhỏ nhất (cá nhân) hoặc những nhóm xã hội (do các cá nhân tập hợp lại tạo nên).

Khẳng định vai trò của giám sát xã hội đối với hoạt động tư pháp, Nghị quyết số 49-

NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp của Việt Nam đến năm 2020 đã nêu rõ: “Phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với hoạt động tư pháp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; không ngừng nâng cao trình độ dân trí pháp luật, ý thức sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật cho mọi người dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên tập trung làm tốt công tác động viên nhân dân phát hiện những hạn chế, khuyết điểm trong hoạt động tư pháp, qua đó kiến nghị với cơ quan tư pháp khắc phục, sửa chữa. Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, cung cấp thông tin về hoạt động tư pháp...”. Đó là cơ sở chính trị rất quan trọng để triển khai thực hiện giám sát xã hội trong hoạt động tư pháp.

Ở Việt Nam, bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Cơ quan tư pháp là những cơ quan do Nhà nước lập ra và có chức năng thực hiện một hay một số hoạt động nào đó của quá trình giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể của các quan hệ pháp luật khác nhau đó là: cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án và thi hành án. Hoạt động của các cơ quan tư pháp là nhân danh quyền lực nhà nước tiến hành các hoạt động nhằm giải quyết đúng đắn, khách quan các vụ án hình sự; vụ, việc dân sự, kinh doanh thương mại, lao động, hành chính và thi hành án theo các quy định của pháp luật. Vì thế, kết quả, chất lượng của hoạt động tư pháp có ảnh hưởng và có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức... Nhận rõ vấn đề này, để khắc phục sự lạm quyền trong thực thi quyền lực, khắc phục những vi phạm, sai sót trong hoạt động tư pháp, Nhà nước ta đã có nhiều quy định pháp luật về kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm sát, trong đó có các quy định về giám sát xã hội đối với hoạt động tư pháp. Đây là một loại giám sát đặc thù trong cơ chế giám sát thực thi

quyền lực tư pháp do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các tập thể lao động và công dân thực hiện. Ngoài những chủ thể nêu trên, phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội cũng được coi là chủ thể của giám sát xã hội trong việc theo dõi, quan sát, xem xét đánh giá hoạt động tư pháp của các cơ quan tư pháp, cán bộ công chức cơ quan tư pháp trong việc tổ chức và thực thi quyền lực tư pháp, nhằm làm cho các cơ quan, cán bộ công chức của cơ quan tư pháp hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, giới hạn quyền lực được giao; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và đảm bảo cho các hoạt động tư pháp thực hiện đúng pháp luật một cách khách quan, khoa học, hiệu quả, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý.

Giám sát xã hội tuy không mang tính quyền lực nhà nước, không có tính cưỡng chế hoặc làm phát sinh những hậu quả pháp lý nhưng kết quả của nó có ý nghĩa rất lớn trong việc hỗ trợ cho công tác giám sát, kiểm tra của Nhà nước đối với hoạt động tư pháp, khắc phục tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử, thi hành án, làm cho nhiều bản án của tòa án đã có hiệu lực pháp luật được thi hành đầy đủ, đúng đắn và kịp thời. Việc giám sát chủ yếu tập trung vào hoạt động của cơ quan điều tra và cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành điều tra hình sự; hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của viện kiểm sát nhân dân; hoạt động xét xử của tòa án nhân dân; hoạt động thi hành án.

Đối tượng của giám sát xã hội đối với hoạt động tư pháp là:

- Hoạt động tuân thủ, chấp hành và áp dụng pháp luật trong việc xử lý các tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, việc thực hiện điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, lao động, kinh tế, hành chính, phá sản và thi hành các bản án theo quy định của pháp luật.

- Tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản pháp luật do các cơ quan tư pháp ban hành.

- Việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm,

quyền hạn của công chức, lãnh đạo về hoạt động tư pháp ở trung ương và địa phương.

- Trách nhiệm bồi thường nhà nước về thiệt hại cho công dân do hoạt động tư pháp gây ra.

- Hoạt động tài chính của các cơ quan tư pháp (việc sử dụng tài sản, ngân sách, tiền án phí, tiền thu của việc thi hành bản án, tang vật...).

- Việc thực hiện pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền các cơ quan tư pháp và việc cung cấp các thông tin hoạt động tư pháp cho các cơ quan ngôn luận và việc trả lời các vấn đề tư pháp theo yêu cầu của các cơ quan ngôn luận thông tin đại chúng.

- Việc thực hiện pháp luật về các vấn đề khác mà pháp luật quy định.

Hình thức giám sát xã hội chủ yếu là: công dân tham gia làm hội thẩm nhân dân, công dân trực tiếp tố giác và cung cấp tin báo về tội phạm; tham dự các phiên tòa xét xử công khai; kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc có quyền giám sát về thực hiện pháp luật tố tụng, việc bồi thường oan, sai trong hoạt động tư pháp, khởi kiện hoặc đề nghị viện kiểm sát khởi tố; giám sát việc thi hành các bản án; phối hợp với cơ quan nhà nước, cơ quan tư pháp giám sát các lĩnh vực đã ký kết theo quy chế phối hợp như trong việc tạm giữ, tạm giam, giáo dục người chấp hành án phạt tù, công tác đặc xá, giải quyết khiếu nại, tố cáo ...

Ở nước ta, hệ thống các quy định của pháp luật về giám sát của nhân dân (giám sát xã hội) đối với hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước trong đó có các cơ quan tư pháp được thể hiện trong các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992 và được cụ thể hoá thành luật như: Pháp lệnh Thanh tra, đến năm 2004 được nâng lên thành Luật Thanh tra, Luật Mặt trận Tổ quốc, Bộ luật Hình sự năm 1999 (vừa được sửa đổi, bổ sung tháng 7 năm 2009), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004, Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2002, Luật Tổ chức viện kiểm sát nhân dân năm 2002, Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 (sửa

đổi bổ sung năm 2004 và 2005), Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Luật Phòng chống tham nhũng năm 2005, Luật Báo chí, Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân năm 2002, Pháp lệnh Kiểm sát viên năm 2002, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004 (sửa đổi bổ sung năm 2006), Pháp lệnh Thi hành án phạt tù năm 1993 (sửa đổi bổ sung năm 2001), Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004 đến năm 2008 được nâng lên thành Luật Thi hành án dân sự, Nghị định số 33/CP ngày 14/4/1997 ban hành quy chế về trường giáo dưỡng, Nghị định số 60/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định về việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, Nghị định số 61/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ quy định về việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo, Nghị định số 53/2001/NĐ-CP hướng dẫn thi hành các hình phạt cấm cư trú và quản chế... Đây là các văn bản quy phạm pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định nội dung, hình thức giám sát của nhân dân (giám sát xã hội) đối với các cơ quan tư pháp và đặc biệt đối với hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, giám sát việc giải quyết khiếu nại tố cáo của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Thực tiễn cho thấy, các tổ chức xã hội đã thực hiện được một phần nhiệm vụ của hoạt động giám sát. Ví dụ: việc giám sát xã hội đối với tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản pháp luật do cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án, thi hành án ban hành đã thu được một số kết quả đáng chú ý.

Theo quy định của pháp luật, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có quyền và trách nhiệm tham gia giám sát tính hợp hiến, hợp pháp các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Thực hiện nội dung giám sát này, ngày 21/4/1997 Ủy ban Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã kiến nghị Quốc hội xem xét, huỷ bỏ những điểm không phù hợp với Điều 255 Bộ luật Dân sự trong thông tư Liên ngành số 03/TTLN ngày 10/8/1996 giữa Tòa

án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giải quyết vấn đề nhà vắng chủ. Kiến nghị này đã được Quốc hội chấp thuận. Tuy nhiên, ở mảng công tác này Mặt trận và các tổ chức thành viên cũng chưa phát hiện được nhiều những nội dung, văn bản pháp luật của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Chính phủ để kiến nghị sửa đổi, huỷ bỏ, đình chỉ thi hành.

Về giám sát hoạt động tố tụng, hoạt động giải quyết khiếu nại tố cáo trong hoạt động tư pháp, có thể thấy, trong những năm qua, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tiếp hàng nghìn lượt dân có khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp. Tính đến hết tháng 11/2007, Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã nhận được tổng số 3.023 đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị. Qua xem xét đã chuyển 2.253 đơn thư khiếu nại, tố cáo đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Trong đó, có 43 đơn khiếu nại, tố cáo bản án đã có hiệu lực pháp luật của tòa án nhân dân các tỉnh, thành, đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét kháng nghị bản án theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm, chuyển 4 vụ việc đòi bồi thường oan, sai theo Nghị quyết số 388 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Kết quả giải quyết đã nhận được 143 văn bản trả lời giải quyết của các cơ quan tư pháp. Trong đó, có nhiều đơn thư được Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét và chỉ đạo như: bồi thường cho 4 nhà sư ở Bắc Giang; ông Nguyễn An Trung ở thành phố Hồ Chí Minh trong vụ án nhập khẩu 118 xe ô tô tay lái nghịch đã bị tòa án cấp sơ thẩm xử 6 tháng tù, sau đó được tuyên án ông Trung không có tội; vụ 17 hộ gia đình ngõ 18 phố Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội đã được Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chấp thuận giải quyết huỷ án sơ thẩm, phúc thẩm và trả lại quyền lợi chính đáng cho 17 hộ gia đình... và còn nhiều vụ khác đã đem lại quyền lợi cho người khiếu nại, tố cáo. Đối với việc giám sát công tác đặc xá, công tác giam giữ và chấp hành án phạt tù, hàng năm,

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp từ trung ương đến địa phương đã phối hợp với viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân, công an nhân dân tích cực tham gia Hội đồng tư vấn xét đặc xá cho những phạm nhân cải tạo tốt. Từ năm 1998 - 2005, thông qua công tác giám sát đã phát hiện 70 trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện được xét đặc xá, kiến nghị với Hội đồng tư vấn đặc xá trung ương không xét đặc xá; phối hợp với viện kiểm sát nhân dân hàng năm tham gia giám sát chế độ giam, giữ, chấp hành án phạt tù tại các nhà tạm giữ, trại tạm giam. Qua đó, đã có nhiều văn bản kiến nghị đối với công tác quản lý tạm giữ, tạm giam và trại giam thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ của Nhà nước.

Tuy giám sát xã hội đã đạt được những kết quả bước đầu, được nhân dân và dư luận xã hội đánh giá có tác dụng ở các lĩnh vực giám sát hoạt động tố tụng, giám sát hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, giám sát công tác đặc xá, công tác giam, giữ và chấp hành án phạt tù..., nhưng đánh giá một cách tổng thể thì việc giám sát xã hội, giám sát của Mặt trận và các tổ chức thành viên của Mặt trận còn nhiều hạn chế, thậm chí có thể đánh giá nhiệm vụ giám sát là khâu yếu trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay. Điều đó thể hiện qua những điểm sau đây:

+ Chưa có những quy định cụ thể và đầy đủ về trách nhiệm, cơ chế, hiệu quả pháp lý cũng như những điều kiện bảo đảm khác cho hoạt động giám sát xã hội.

+ Hạn chế về phạm vi, lĩnh vực giám sát và hiệu quả giám sát.

+ Giám sát xã hội chưa trở thành một lĩnh vực hoạt động thường xuyên liên tục. Những hạn chế đó được xác định do (năm) nguyên nhân cơ bản sau đây:

- Do điều kiện kinh tế - văn hoá - xã hội của nước ta phát triển chưa cao;

- Chưa bảo đảm đủ các điều kiện cần thiết cho giám sát xã hội phát triển;

- Các cấp ủy Đảng chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình để giám sát xã hội phát triển;

- Trách nhiệm của hệ thống các cơ quan nhà nước còn hạn chế;

- Chưa có cơ chế và điều kiện để khai thác có hiệu quả hoạt động của các Hội đồng tư vấn trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Cùng với sự phát triển của xã hội theo hướng dân chủ hóa mọi lĩnh vực của đời sống xã hội thì mối tương quan giữa các loại giám sát từ bên trong bộ máy nhà nước và các loại giám sát từ bên ngoài bộ máy nhà nước dần dần thay đổi theo hướng tăng cường và mở rộng sự giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể quần chúng và của công dân đối với các cơ quan nhà nước. Điều đó được thể hiện ở việc mở rộng các thẩm quyền giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể quần chúng và cá nhân công dân, ở việc chuyển giao một số chức năng của các cơ quan trong hệ thống giám sát nhà nước cho hệ thống giám sát xã hội, ở việc nâng cao ý nghĩa giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể quần chúng và công dân.

Từ những phân tích trên, có thể nêu ra một số giải pháp sau đây nhằm tăng cường chất lượng và hiệu quả của công tác giám sát xã hội trong lĩnh vực này, đó là:

- Xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật về giám sát xã hội đối với hoạt động tư pháp phải gắn với hoàn thiện pháp luật về giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân;

- Hoàn thiện pháp luật về giám sát xã hội, đối với hoạt động tư pháp phải gắn với xây dựng các thiết chế dân chủ trực tiếp (Luật Trưng cầu ý dân, Luật Khiếu nại, tố cáo, pháp luật về công tác tiếp công dân);

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên phải phát huy vai trò là chủ thể giám sát xã hội và đại diện cho nhân dân tập hợp được ý kiến giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp;

- Nội dung phản ánh, kiến nghị từ kết quả giám sát xã hội đối với hoạt động tư pháp phải được cơ quan tư pháp tiếp thu trả lời công khai;

- Bảo đảm cho các phương tiện thông tin đại chúng trực tiếp thực hiện quyền giám sát

xã hội, đối với hoạt động tư pháp, phản ánh đầy đủ, đúng đắn, kịp thời ý kiến giám sát của nhân dân và các chủ thể khác trước công luận.

Việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về giám sát xã hội và giám sát của các cơ quan quyền lực nhà nước đối với hoạt động tư pháp phải đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp trong hệ thống pháp luật của Nhà nước ta.

Để thực hiện được các quan điểm của Đảng về bảo đảm giám sát xã hội đối với hoạt động tư pháp, chúng tôi xin đưa ra một số giải pháp cụ thể dưới đây:

Thứ nhất: Xây dựng Luật về giám sát xã hội. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: *"Nhà nước ban hành và bổ sung pháp luật để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội"*. Như vậy, việc ban hành đạo luật giám sát xã hội là nhu cầu khách quan cả về phương diện thực tiễn và lý luận.

Thứ hai: Hoàn thiện các đạo luật liên quan đến hoạt động tư pháp, cơ quan tư pháp theo hướng bảo đảm giám sát xã hội đối với hoạt động tư pháp.

Hiện nay, các đạo luật có liên quan đến cơ quan tư pháp và hoạt động tư pháp bao gồm: Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002, Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004, Luật Thi hành án dân sự 2008, Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính ... Nhìn chung, các văn bản quy phạm pháp luật này đã có những quy định về bảo đảm vai trò của giám sát xã hội đối với hoạt động tư pháp nhưng chưa được toàn diện.

Thứ ba: Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể xã hội trong việc giám sát hoạt động tư pháp.

Cơ sở pháp lý hiện nay về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đạo luật về tố tụng. Tuy nhiên, trong các đạo luật này mới chỉ dừng lại ở các quy định chung chung về vai

trò của Mặt trận tham gia trong các quan hệ pháp luật tố tụng. Để tạo cơ sở vững chắc hơn cho sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giám sát hoạt động tư pháp, cần tăng cường quan hệ giữa hai bên (Mặt trận và các cơ quan tư pháp) qua việc xây dựng, ký kết các quy chế phối hợp giám sát các lĩnh vực trong hoạt động tư pháp. Các quy chế này là cơ sở pháp lý tạo nên quan hệ phối hợp thường xuyên, bền vững giữa hai bên.

Thứ tư: Tăng cường trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng trong việc tôn trọng và bảo đảm quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận trong các quan hệ tố tụng.

Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là giám sát mang tính nhân dân (giám sát xã hội), hỗ trợ cho công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra của Nhà nước.

Để tăng cường trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng trong việc tôn trọng và bảo đảm quyền của Mặt trận và các thành viên của Mặt trận trong các quan hệ tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần khẩn trương xây dựng và ban hành quy chế phối hợp để Mặt trận Tổ quốc và các thành viên của Mặt trận thực hiện việc giám sát.

Thứ năm: Tăng cường trách nhiệm của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc giám sát các hoạt động tư pháp.

Trong lĩnh vực hoạt động tư pháp các phương tiện thông tin đại chúng phải bám sát các hoạt động của cơ quan tư pháp, phản ánh trung thực, đưa tin đầy đủ, kịp thời về những mặt tích cực điển hình tiên tiến, kết quả đạt được trong hoạt động tư pháp, tránh việc chỉ đưa tin những hạn chế, khuyết điểm trong hoạt động tư pháp gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến quan hệ quốc tế.

Thứ sáu: Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tư pháp trong việc trả lời dư luận xã hội.

Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tư pháp trong việc trả lời dư luận xã hội thực chất là nhằm kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

(Xem tiếp trang 24)

khác của các ngành, các cấp và cần tập trung vào các địa bàn trọng điểm, các công trình xây dựng lớn, trong đó chú ý vào các khâu, các giai đoạn quan trọng trong quá trình đầu tư, thi công xây lắp mà đối tượng tham nhũng thường hoạt động. Nội dung tuyên truyền cũng cần chú ý tập trung vào trách nhiệm của công dân trong bảo vệ tài sản, trong tố giác tội phạm, tố giác những người có các biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội tham nhũng. Tuyên truyền những nội dung cơ bản của Quy chế về quản lý đầu tư và xây dựng,

Quy chế đấu thầu và các văn bản có liên quan tới quản lý đầu tư và xây dựng.

Tóm lại: Căn cứ vào thực tế, lực lượng chuyên trách về phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cần nghiên cứu xác định những nội dung, hình thức và đối tượng cụ thể cần tuyên truyền đảm bảo phát huy sức mạnh của quần chúng, góp phần tích cực vào công tác đấu tranh chống tội phạm kinh tế nói chung và đấu tranh chống tội phạm tham nhũng trong đầu tư xây dựng nói riêng.

(Tiếp theo trang 8 – Bàn về giám sát xã hội ...)

nắm giữ và thực thi quyền lực nhà nước trong lĩnh vực tư pháp. Đồng thời, nó cũng phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, thiếu sót, những hành vi sai trái, những vấn đề bất hợp lý, lỗi thời, không phù hợp với định hướng và bản chất của xã hội trong hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Giám sát xã hội là một loại giám sát có tính đặc thù trong tổng thể cơ chế về giám sát

đối với quyền lực nhà nước ở Việt Nam, phù hợp với các nguyên tắc, yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong từng giai đoạn phát triển của Nhà nước Việt Nam, đáp ứng ngày một tốt hơn, hiệu quả hơn yêu cầu bảo vệ công lý cũng như trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

(Tiếp theo trang 11 – Xây dựng Luật Giáo dục ...)

các tổ chức trong xã hội; xác định tính tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học; sự giám sát của cộng đồng đối với giáo dục đại học; quy định về khen thưởng trong giáo dục đại học và một số vấn đề khác.

Việc xây dựng Luật Giáo dục đại học không chỉ xuất phát từ yêu cầu bức xúc hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực giáo dục mà còn là một trong những giải pháp chiến lược phát triển kinh tế, xã hội ở nước ta trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI. Xây

dựng Luật Giáo dục đại học là một trong những nội dung quan trọng trong đổi mới cơ chế quản lý đối với giáo dục đại học. Ban hành Luật Giáo dục đại học sẽ góp phần hoàn thiện môi trường pháp lý Việt Nam nói chung và môi trường pháp lý về giáo dục nói chung nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của đất nước trong giai đoạn mới, góp phần đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, đưa giáo dục đại học Việt Nam hòa nhập với giáo dục đại học quốc tế.